ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83/2026/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 896/TTr-SNV ngày 23 tháng 10 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 740/BC-STP ngày 11/10/2026 và Báo cáo số 845/BC-STP ngày 11/11/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2026.

2. Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, NC(TPT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn

KÝ BỞI: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
CƠ QUAN: TỈNH LẠNG SƠN
THỜI GIAN KÝ: 18/11/2026 14:52:10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố;

d) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

đ) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

e) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của

Nhân dân, vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố có các chức danh người hoạt động không chuyên trách sau:

a) Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố có các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc bố trí chức danh, số lượng, chế độ, chính sách thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố

Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc thu, chi và quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ các công trình công ích, môi trường sinh thái, tổ chức thu gom, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn; chủ động phòng, chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau, phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, xây dựng cộng đồng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, giảm nghèo bền vững;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư;

h) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa bàn dân cư

Hoạt động phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động; tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành các quy định về chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và bài trừ các tập tục lạc hậu;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công, các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, ứng phó với biến đổi khí

hậu, phòng chống thiên tai và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban Công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn.

Điều 5. Các hình thức hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

4. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

5. Thông qua hoạt động của các mô hình, tổ, nhóm tự quản trong cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

6. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý, nguồn đóng góp tự nguyện của Nhân dân và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí hỗ trợ hoạt động cho thôn, tổ dân phố được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương III

THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Thôn phải có từ 150 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố phải có từ 300 hộ gia đình trở lên.

2. Đối với thôn đặc biệt khó khăn; thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn nhưng phải bảo đảm tối thiểu 50% tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp đặc biệt không thể bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 8. Nguyên tắc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hoá, truyền thống; điều kiện đặc thù của từng đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

3. Thực hiện sáp nhập đối với các thôn, tổ dân phố khi chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

Việc sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

4. Việc giải thể thôn, tổ dân phố thực hiện trong các trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, tái định cư.

5. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sáp nhập thôn, tổ dân phố. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp, tổ chức lại hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình, hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới

1. Thôn, tổ dân phố mới thành lập phải bảo đảm tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 7 và nguyên tắc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới.

Nội dung của đề án gồm: sự cần thiết; phương án thành lập; hiện trạng quy mô số hộ gia đình; tên gọi (tên gọi của thôn, tổ dân phố mới phải có sự đồng thuận của đa số Nhân dân và không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã); điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (các điều kiện về hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và ổn định cuộc sống của người dân); phương án bố trí tổ chức bộ máy, nhân sự (chi bộ, thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) và các nội dung có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới về dự thảo đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân và lập thành biên bản lấy ý kiến về đề án để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

5. Hồ sơ thực hiện thành lập thôn, tổ dân phố mới gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; đề án thành lập thôn, tổ dân phố; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

Điều 10. Quy trình, hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự thảo Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; dự kiến phương án ghép các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố giải thể vào các thôn, tổ dân phố liền kề.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân và lập thành biên bản lấy ý kiến đối với nội dung giải thể thôn, tổ dân phố; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

4. Hồ sơ thực hiện giải thể thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân; Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc giải thể thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Quy trình, hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố

1. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

2. Căn cứ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Nội dung của đề án gồm: sự cần thiết; phương án sáp nhập; hiện trạng quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập và sau sáp nhập; tên gọi của thôn, tổ dân phố (tên thôn, tổ dân phố sau sáp nhập phải có sự đồng thuận của đa số Nhân dân, phải xem xét các yếu tố kế thừa, truyền thống lịch sử, văn hóa và không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã); điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án bố trí tổ chức bộ máy, nhân sự (chi bộ, thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội); phương án giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư; phương án bố trí, sử dụng Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố sau sắp xếp (nếu có) và các nội dung có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân tại các thôn, tổ dân phố dự kiến thực hiện sáp nhập về dự thảo đề án bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân và lập thành biên bản lấy ý kiến về đề án để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sáp nhập thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

5. Hồ sơ thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố gồm: tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

Điều 12. Quy trình, hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

4. Hồ sơ thực hiện đổi tên thôn, tổ dân phố gồm: tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Quy trình, hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết của việc ghép cụm dân cư; phạm vi cụm dân cư được ghép; số hộ gia đình; thôn, tổ dân phố tiếp nhận.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại cụm dân cư được ghép và thôn, tổ dân phố tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

4. Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố gồm: tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 14. Chuyển giao thôn, tổ dân phố giữa các đơn vị hành chính cấp xã

Đối với thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính tỉnh Lạng Sơn nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất thực hiện việc chuyển giao thôn, tổ dân phố để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thực hiện việc chuyển giao:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi chuyển giao trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Quy chế này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Chương IV

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ; quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.

Điều 16. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 17. Bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Việc công nhận, cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Mối quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở;

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Mối quan hệ với Chi bộ thôn, tổ dân phố

Chấp hành sự lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Mối quan hệ với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố

a) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để tổ chức cho Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức này phát động;

b) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc vận động Nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ bảo vệ an ninh trật tự, Tổ bảo vệ sản xuất, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và thôn, tổ dân phố giáp ranh để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động tự quản ở thôn, tổ dân phố.

5. Mối quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; vận

động và tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất chính quyền cấp xã giải quyết những ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố;

c) Tổ chức công khai đầy đủ để Nhân dân biết các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kế hoạch thực hiện các nội dung công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Các sở, ban, ngành

a) Sở Nội vụ chủ trì, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ các nội dung quản lý tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định;

b) Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng phương án, hồ sơ đề án và các văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Tổ chức thực hiện bầu, công nhận và cho thôi chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; công nhận và cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Chỉ đạo, quản lý và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.